

UBND TỈNH TUYÊN QUANG
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /SXD-KTXD

Tuyên Quang, ngày tháng 8 năm 2025

V/v hướng dẫn thực hiện đăng ký
kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng
hoá vật liệu xây dựng nhập khẩu

Kính gửi: Các tổ chức, cá nhân hoạt động nhập khẩu
hàng hoá vật liệu xây dựng

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12 ngày 21/11/2007;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ và Nghị định số 13/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008;

Căn cứ Nghị định 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Nghị định số 09/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý vật liệu xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 10/2024/TT-BXD ngày 01 tháng 11 năm 2024 của Bộ Xây dựng về Quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hoá vật liệu xây dựng.

Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 8 của Thông tư số 10/2024/TT-BXD: Đối với hàng hóa vật liệu xây dựng nhóm 2, người nhập khẩu phải thực hiện:

“a) Đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa vật liệu xây dựng nhập khẩu tại Sở Xây dựng một trong các địa phương (*Cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng, sau đây gọi tắt là Cơ quan kiểm tra*):

- Nơi doanh nghiệp đăng ký kinh doanh (hoặc nơi đặt văn phòng đại diện, chi nhánh, nhà máy sản xuất);

- Nơi có cửa khẩu được doanh nghiệp nhập khẩu hàng hóa;

- Nơi doanh nghiệp làm thủ tục hải quan đối với lô hàng hóa.”

Căn cứ quy định trên, Sở Xây dựng tỉnh Tuyên Quang (sau đây gọi tắt là Cơ quan kiểm tra) hướng dẫn thực hiện đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa vật liệu xây dựng (nhóm 2) nhập khẩu trên địa bàn tỉnh quản lý, theo trình tự và thủ tục như sau:

1. Tiếp nhận hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng của người nhập khẩu

a) Thành phần hồ sơ như sau:

- Bản đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu và cam kết chất lượng hàng hóa phù hợp quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn công bố áp dụng theo quy định (Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 74/2018/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo khoản 9 Điều 4 của Nghị định số 154/2018/NĐ-CP): 01 bản chính trường hợp muốn nhận lại ngay xác nhận đã đăng ký, đề nghị chuẩn bị thêm 01 bản.

+ Lưu ý: Phải xác định tên Tổ chức chứng nhận hợp quy, tên Tổ chức thử nghiệm thực hiện việc thử nghiệm, đánh giá chứng nhận chất lượng hàng hóa nhập khẩu trên Bản đăng ký.

- Bản sao Hợp đồng, Danh mục hàng hóa (nếu có); bản sao (có xác nhận của người nhập khẩu) vận đơn, hóa đơn, tờ khai hàng hóa nhập khẩu (nếu có); chứng chỉ chất lượng của nước xuất khẩu (giấy chứng nhận chất lượng, kết quả thử nghiệm) (nếu có); Giấy chứng nhận hợp quy hoặc Giấy chứng nhận chất lượng lô hàng hóa nhập khẩu hoặc Chứng thư giám định chất lượng lô hàng hóa nhập khẩu (nếu có); Giấy chứng nhận xuất xứ (nếu có), ảnh hoặc bản mô tả hàng hóa có các nội dung bắt buộc phải thể hiện trên nhãn hàng hóa và nhãn phụ (nếu nhãn chính chưa đủ nội dung theo quy định); chứng nhận lưu hành tự do CFS (nếu có): Số lượng 01 bộ

b) Phương thức nộp

Người nhập khẩu chuẩn bị bản đăng ký và hồ sơ theo quy định trên và gửi về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng tỉnh Tuyên Quang, địa chỉ: Đường 17/8, Phường Minh Xuân, tỉnh Tuyên Quang.

2. Xử lý hồ sơ

Theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Thông tư số 10/2024/TT-BXD: “Đối với hàng hóa vật liệu xây dựng nhóm 2, Cơ quan kiểm tra áp dụng biện pháp kiểm tra trước khi thông quan hoặc sau khi thông quan theo Phụ lục II Thông tư này. Đối với hàng hóa kiểm tra trước khi thông quan, căn cứ để kiểm tra nhà nước dựa trên kết quả chứng nhận của tổ chức chứng nhận được chỉ định. Đối với hàng hóa kiểm tra sau khi thông quan, căn cứ để kiểm tra nhà nước dựa trên kết quả chứng nhận của tổ chức chứng nhận đã đăng ký hoặc được thừa nhận theo quy định pháp luật.”

2.1. Đối với hàng hóa vật liệu xây dựng (nhóm 2) nhập khẩu áp dụng kiểm tra nhà nước về chất lượng sau khi thông quan

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc, sau khi nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ theo

quy định. Cơ quan kiểm tra xác nhận người nhập khẩu đã đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu trên bản đăng ký của người nhập khẩu. Người nhập khẩu nộp bản đăng ký có xác nhận của cơ quan kiểm tra cho cơ quan hải quan để được phép thông quan hàng hóa;

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày thông quan hàng hóa, người nhập khẩu phải nộp cho cơ quan kiểm tra bản sao y bản chính (có ký tên và đóng dấu của người nhập khẩu) chứng chỉ chất lượng (Giấy chứng nhận phù hợp quy chuẩn kỹ thuật của tổ chức chứng nhận hoặc Chứng thư giám định phù hợp quy chuẩn kỹ thuật của tổ chức giám định).

2.2. Đối với hàng hóa vật liệu xây dựng (nhóm 2) nhập khẩu áp dụng kiểm tra nhà nước về chất lượng trước khi thông quan

- Cơ quan kiểm tra tiếp nhận hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu theo quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 74/2018/NĐ-CP và xác nhận người nhập khẩu đã đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu trên bản đăng ký của người nhập khẩu.

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và phù hợp, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng, cơ quan kiểm tra phải ra Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu đáp ứng yêu cầu chất lượng theo quy định tại Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 74/2018/NĐ-CP, gửi tới người nhập khẩu để làm thủ tục thông quan cho lô hàng.

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ nhưng không phù hợp, cơ quan kiểm tra xử lý như sau:

+ Trường hợp hàng hóa không đáp ứng yêu cầu về nhãn, cơ quan kiểm tra ra thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu không đáp ứng yêu cầu chất lượng theo quy định tại Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 74/2018/NĐ-CP, trong thông báo nêu rõ các nội dung không đạt yêu cầu gửi tới người nhập khẩu, đồng thời yêu cầu người nhập khẩu khắc phục về nhãn hàng hóa trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc. Cơ quan kiểm tra chỉ cấp thông báo lô hàng nhập khẩu đáp ứng yêu cầu chất lượng khi người nhập khẩu có bằng chứng khắc phục;

+ Trường hợp hàng hóa nhập khẩu có chứng chỉ chất lượng không phù hợp với hồ sơ của lô hàng nhập khẩu hoặc chứng chỉ chất lượng không phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng, cơ quan kiểm tra ra thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu không đáp ứng yêu cầu chất lượng theo quy định tại Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 74/2018/NĐ-CP, trong thông báo nêu rõ các nội dung không đạt yêu cầu gửi tới cơ quan hải quan và người nhập khẩu. Đồng thời báo cáo cơ quan quản lý có thẩm quyền để xử lý theo quy định tại Khoản 2 Điều 8 Nghị định này

- Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, cơ quan kiểm tra xác nhận các hạng mục hồ sơ còn thiếu trong phiếu tiếp nhận hồ sơ và yêu cầu người nhập khẩu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ trong thời hạn 15 ngày làm việc, nếu quá thời hạn mà vẫn

chưa bổ sung đủ hồ sơ thì người nhập khẩu phải có văn bản gửi cơ quan kiểm tra nêu rõ lý do và thời gian hoàn thành. Các bước kiểm tra tiếp theo chỉ được thực hiện sau khi người nhập khẩu hoàn thiện đầy đủ hồ sơ.

- Trường hợp người nhập khẩu không hoàn thiện đầy đủ hồ sơ trong thời hạn quy định, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi hết thời hạn bổ sung hồ sơ, cơ quan kiểm tra ra thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu theo quy định tại Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 74/2018/NĐ-CP. Trong thông báo nêu rõ “Lô hàng không hoàn thiện đầy đủ hồ sơ” gửi tới người nhập khẩu và cơ quan hải quan. Đồng thời chủ trì, phối hợp cơ quan kiểm tra có thẩm quyền tiến hành kiểm tra đột xuất về chất lượng hàng hóa tại cơ sở của người nhập khẩu.

2.3. Trường hợp, hàng hóa đã được tổ chức chứng nhận đánh giá tại nước xuất khẩu

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày thông quan, người nhập khẩu phải nộp bản sao y bản chính (có ký tên và đóng dấu của người nhập khẩu) Giấy chứng nhận phù hợp quy chuẩn kỹ thuật cho cơ quan kiểm tra. Người nhập khẩu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm và bảo đảm hàng hóa phù hợp quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn công bố áp dụng. Trường hợp hàng hóa không phù hợp quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn công bố áp dụng, người nhập khẩu phải kịp thời báo cáo cơ quan kiểm tra, đồng thời tổ chức việc xử lý, thu hồi hàng hóa này theo quy định của pháp luật.

3. Nội dung kiểm tra

- Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu.

- Kiểm tra kết quả đánh giá sự phù hợp, nhãn hàng hóa, dấu hợp chuẩn, dấu hợp quy và các tài liệu kèm theo sản phẩm, hàng hóa cần kiểm tra.

- Kiểm tra sự phù hợp của nội dung chứng chỉ chất lượng của lô hàng nhập khẩu so với yêu cầu của quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn công bố áp dụng và các quy định hiện hành; kiểm tra tính chính xác và đồng bộ về thông tin của bộ hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng.

- Kiểm tra các nội dung bắt buộc ghi trên mẫu nhãn (và nhãn phụ) bao gồm tên hàng hóa, tên địa chỉ của tổ chức cá nhân chịu trách nhiệm về hàng hóa; xuất xứ của hàng hóa và các nội dung khác quy định cho từng loại hàng hóa; sự phù hợp của mẫu nhãn với bộ hồ sơ nhập khẩu lô hàng;

- Kiểm tra vị trí, màu sắc, kích thước và ngôn ngữ trình bày của nhãn;

- Kiểm tra việc thể hiện dấu hợp quy được trình bày trực tiếp trên sản phẩm, hàng hóa hoặc trên bao bì hoặc nhãn gắn trên sản phẩm, hàng hóa.

- Kiểm tra văn bản chấp thuận theo quy định của bộ quản lý ngành, lĩnh vực đối với hàng hóa nhập khẩu thuộc sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 mang đặc tính mới có khả năng gây mất an toàn mà chưa được quy định trong quy chuẩn kỹ thuật tương ứng

- Thử nghiệm mẫu theo tiêu chuẩn đã công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng khi cần thiết.

4. Một số quy định khác

- Áp dụng biện pháp miễn giảm kiểm tra chất lượng hàng hóa vật liệu xây dựng nhập khẩu theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định 74/2018/NĐ-CP và khoản 3 Điều 4 Nghị định 154/2018/NĐ-CP.

- Quy định về xử lý hồ sơ nhập khẩu và chất lượng hàng hóa vật liệu xây dựng nhập khẩu không phù hợp quy chuẩn kỹ thuật thực hiện theo khoản 3 Điều 6, Điều 9 Thông tư số 06/2020/TT-BKHCN.

- Chi phí, lệ phí phục vụ kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu được thực hiện theo quy định tại Điều 37 của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

5. Trả kết quả

Trả kết quả trực tiếp tại trụ sở Cơ quan kiểm tra hoặc theo đường bưu điện gửi về theo địa chỉ của người nhập khẩu.

(Có các Mẫu biểu đính kèm theo)

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị liên hệ với Ông Phạm Quang Đức, SĐT: 0945.107.999, chuyên viên Phòng Kinh tế xây dựng - Sở Xây dựng Tuyên Quang, để trao đổi, hướng dẫn.

Sở Xây dựng tỉnh Tuyên Quang trân trọng thông báo tới các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động nhập khẩu hàng hóa vật liệu xây dựng (nhóm 2) trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang biết và căn cứ triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh; (Báo cáo)
- Các tổ chức, cá nhân hoạt động nhập khẩu hàng hóa vật liệu xây dựng;
- GĐ; các PGĐ Sở;
- Các phòng, đơn vị trực thuộc sở;
- Website Sở Xây dựng;
- Lưu: VT, KTXD (Đức).

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Hà Đức Tuấn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐĂNG KÝ KIỂM TRA
NHÀ NƯỚC VỀ CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA NHẬP KHẨU

Kính gửi..... (Tên Cơ quan kiểm tra).....

Người nhập khẩu:

Địa chỉ:

Điện thoại:Fax:Email:

Đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa sau:

STT	Tên hàng hóa, nhãn hiệu, kiểu loại	Đặc tính kỹ thuật	Xuất xứ, nhà sản xuất	Khối lượng/ số lượng	Cửa khẩu nhập	Thời gian nhập khẩu
-----	--	----------------------	--------------------------	----------------------------	------------------	------------------------

Địa chỉ tập kết hàng hóa:

Hồ sơ nhập khẩu gồm:

Hợp đồng (Contract) số:

- Danh mục hàng hóa (Packing list) (nếu có):

- Giấy chứng nhận hợp quy hoặc Giấy chứng nhận chất lượng lô hàng hóa nhập khẩu hoặc Chứng thư giám định chất lượng lô hàng hóa nhập khẩu:

.....

doTổ chứccấp ngày:/...../.....tại:

- Giấy chứng nhận Hệ thống quản lý (nếu có) số:do Tổ chức chứng nhận:
cấp ngày:/...../..... tại:

.....

- Hóa đơn (Invoice) (nếu có) số:

- Vận đơn (Bill of Lading) (nếu có) số:

- Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (nếu có) số:

- Giấy chứng nhận xuất xứ C/O (nếu có) số:

- Giấy Chứng nhận lưu hành tự do CFS (nếu có) số:

- Ảnh hoặc bản mô tả hàng hóa, mẫu nhãn hàng nhập khẩu, nhãn phụ (nếu nhãn chính chưa đủ nội dung theo quy định).

Chúng tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm về tính hợp lệ, hợp pháp của các nội dung đã khai báo nêu trên về hồ sơ của lô hàng hóa nhập khẩu, đồng thời cam kết chất lượng lô hàng hóa nhập khẩu phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật..... và tiêu chuẩn công bố áp dụng

.....

(TÊN CƠ QUAN KIỂM TRA)

Vào sổ đăng ký: Số.../(Tên viết tắt của CQKT)

.....ngày... tháng ... năm 20...

(Đại diện Cơ quan kiểm tra ký tên, đóng dấu)

.....ngày... tháng ... năm 20...

(NGƯỜI NHẬP KHẨU)

(Ký tên, đóng dấu)

(TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN)
TÊN CƠ QUAN KIỂM TRA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /(CQKT)

..., ngày ... tháng ... năm 20...

**PHIẾU TIẾP NHẬN HỒ SƠ
ĐĂNG KÝ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA NHẬP KHẨU**

STT	HẠNG MỤC KIỂM TRA	Có/Không		Ghi chú
		Có	Không	
1	Giấy đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu.	☐	☐	
2	Hợp đồng (Contract) (bản sao).	☐	☐	
3	Danh mục hàng hóa (Packing list) kèm theo hợp đồng (bản sao).	☐	☐	
4	Bản sao có chứng thực chứng chỉ chất lượng	☐	☐	
	4.1. Giấy chứng nhận hợp quy	☐	☐	
	4.2. Giấy chứng nhận chất lượng lô hàng	☐	☐	
	4.3. Giấy giám định chất lượng lô hàng	☐	☐	
	4.4. Giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng	☐	☐	
5	Hóa đơn (Invoice)	☐	☐	
6	Vận đơn (Bill of Lading)	☐	☐	
7	Tờ khai hàng hóa nhập khẩu	☐	☐	
8	Giấy chứng nhận xuất xứ (C/O-Certificate of Origin)	☐	☐	
9	Ảnh hoặc bản mô tả hàng hóa	☐	☐	
10	Giấy Chứng nhận lưu hành tự do CFS	☐	☐	
11	Mẫu nhãn hàng nhập khẩu đã được gắn dấu hợp quy	☐	☐	
12	Nhãn phụ (nếu nhãn chính chưa đủ nội dung theo quy định).	☐	☐	

KẾT LUẬN

- ☐ Hồ sơ đầy đủ về số lượng: Tiếp nhận hồ sơ để kiểm tra các bước tiếp theo.
- ☐ Hồ sơ không đầy đủ về số lượng: Tiếp nhận hồ sơ nhưng cần bổ sung các mục:..... trong thời gian 15 ngày. Sau khi hồ sơ đầy đủ thì kiểm tra các bước tiếp theo theo quy định./.

NGƯỜI NỘP HỒ SƠ
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI KIỂM TRA HỒ SƠ
(Ký, ghi rõ họ tên)

(TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN)
TÊN CƠ QUAN KIỂM TRA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB-.....

..., ngày ... tháng ... năm 20...

THÔNG BÁO

Kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu

Số TT	Tên hàng hóa, nhãn hiệu, kiểu loại	Đặc tính kỹ thuật	Xuất xứ, Nhà sản xuất	Khối lượng/ số lượng	Đơn vị tính	Ghi chú

- Cửa khẩu nhập:

- Thời gian nhập khẩu:

- Thuộc lô hàng có các chứng từ sau:

+ Hợp đồng số:

+ Danh mục hàng hóa số:

+ Hóa đơn số:

+ Vận đơn số:

+ Tờ khai hàng nhập khẩu số:

+ Giấy chứng nhận xuất xứ số (C/O):

+ Giấy chứng nhận lưu hành tự do CFS

- Người nhập khẩu:

- Giấy đăng ký kiểm tra số: ngàytháng..... năm 20.....

- Căn cứ kiểm tra:

+ Tiêu chuẩn công bố áp dụng:

+ Quy chuẩn kỹ thuật:

+ Quy định khác:

- Giấy chứng nhận hợp quy hoặc Giấy chứng nhận/giám định chất lượng lô hàng hóa nhập khẩu

số:..... do tổ chức cấp ngày:// tại:

KẾT QUẢ KIỂM TRA

Ghi một trong các nội dung:

Đáp ứng yêu cầu chất lượng hàng hóa nhập khẩu

Hoặc Không đáp ứng yêu cầu chất lượng hàng hóa nhập khẩu thì nêu lý do và các yêu cầu khác nếu có

Hoặc Lô hàng không hoàn thiện đầy đủ hồ sơ

Hoặc Lô hàng đề nghị đánh giá sự phù hợp lại tại

Hoặc Lô hàng chờ CQKT tiến hành lấy mẫu và thử nghiệm.

CƠ QUAN KIỂM TRA

(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Người nhập khẩu;

- Hải quan cửa khẩu;

- Lưu: VT, (Viết tắt tên CQKT).